

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST

Ngày 23 - 02 - 2023

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Việt

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Đăng

Ông Trần Minh Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng góp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KT, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KT, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Bà làm chủ hội có mở các dây hội vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị D tham gia chơi hội như sau:

Dây thứ nhất: Mở ngày 10/02/2016 (âm lịch), mỗi chung 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, có tổng số 28 chung, ông V và bà D (giấy hội ghi vợ V) tham gia 01 chung. Đến tháng 4/2016 (âm lịch), ông V và bà D kêu giá 390.000 đồng, sau khi trừ tiền còn 500.000 đồng, hốt chung hội với số tiền 16.750.000 đồng. Ông V và bà D đóng hội chết đến hết tháng 01/2017 (âm lịch), Từ tháng 02/2017 (âm lịch) đến khi mãn hội tháng 4/2018 (âm lịch), trong đó có nhuận tháng 6/2017 (âm lịch), ông V và bà D không đóng hội là 16 lần x 1.000.000 đồng = 16.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Mở ngày 25/02/2016 (âm lịch), mỗi chung 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, có tổng số 28 chung, ông V và bà D (giấy hội ghi vợ V) tham gia 01 chung. Sau đó, ông V và bà D kêu giá 400.000 đồng, sau khi trừ tiền còn 500.000 đồng, hốt chung hội với số tiền 15.700.000 đồng. Ông V và bà D đóng hội chết đến hết tháng 5/2016 (âm lịch), Từ tháng 6/2016 (âm lịch) đến khi mãn hội tháng 4/2018 (âm lịch), trong đó có

nhuần tháng 6/2017 (âm lịch), ông V và bà D không đóng hội là 24 lần x 1.000.000 đồng = 24.000.000 đồng.

Dây thứ ba: Mở ngày 28/9/2016 (âm lịch), mỗi chung 500.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, có tổng số 31 chung, ông V và bà D (giấy hội ghi vợ V) tham gia 01 chung. Đến tháng 10/2016 (âm lịch), ông V và bà D kêu giá 200.000 đồng, sau khi trừ tiền còn 250.000 đồng, hốt chung hội với số tiền 8.950.000 đồng. Ông V và bà D đóng hội chết đến hết tháng 3/2017 (âm lịch), Từ tháng 4/2017 (âm lịch) đến khi mãn hội tháng 02/2018 (âm lịch), trong đó có nhuần tháng 6/2017 (âm lịch), ông V và bà D không đóng hội là 12 lần x 500.000 đồng = 6.000.000 đồng.

Tổng cộng các dây hội nói trên ông V và bà D còn thiếu tiền hội bà với số tiền 46.000.000 đồng. Đến ngày 31/3/2018, ông V và bà D viết giấy nợ tiền hội của bà tại ba dây hội tổng cộng 46.000.000 đồng.

Bà yêu cầu ông V và bà D trả số tiền hội còn thiếu tổng cộng 46.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị D vắng mặt không có lý do, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự nói trên.

[2] Về nội dung khởi kiện của bà C: Bà C cho rằng giữa bà với ông V, bà D có giao dịch chơi hội, ông V và bà D còn thiếu tiền hội bà như sau:

Dây hội mở ngày 10/02/2016 (âm lịch), ông V và bà D còn thiếu 16 lần x 1.000.000 đồng = 16.000.000 đồng.

Dây hội mở ngày 25/02/2016 (âm lịch), ông V và bà D còn thiếu 24 lần x 1.000.000 đồng = 24.000.000 đồng.

Dây hội mở ngày 28/9/2016 (âm lịch), ông V và bà D còn thiếu 12 lần x 500.000 đồng = 6.000.000 đồng.

Tổng cộng các dây hội nói trên ông V và bà D còn thiếu bà với số tiền 46.000.000 đồng.

[3] Về giao dịch hợp đồng góp hội, số tiền hội ông V và bà D còn thiếu như bà C trình bày nói trên là thực tế có diễn ra, điều này phù hợp với nội dung các giấy tờ bà C cung cấp có tại hồ sơ như các giấy giao kèo chơi hội, giấy nợ tiền hội. Tại giấy nợ tiền hội lập ngày 31/3/2018 do V và bà D ký tên thể hiện nội dung ông V và bà D còn nợ tiền hội bà C tại dây hội ngày 10/02/2016 là 16.000.000 đồng, dây hội ngày 25/02/2016 là 24.000.000 đồng, dây hội ngày 28/9/2016 là 6.000.000 đồng, tổng cộng 46.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông V và bà D cũng không có ý kiến gì đối với nội dung khởi kiện của bà C. Kể từ khi mãn hội đến nay phía ông V và bà D chưa đóng đủ tiền hội tại các chung hội đã hốt cho bà C nên bà C khởi kiện yêu cầu ông V và bà D trả tiền hội còn thiếu tổng cộng 46.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Đối với lãi suất số tiền hội chậm trả, bà C không yêu cầu ông V và bà D trả lãi suất nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Do khởi kiện của bà C được chấp nhận nên ông V và bà D phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch 5% trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ với số tiền án phí là 2.300.000 đồng. Bà C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Nguyễn Thị C tiền hụi còn thiếu 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực, bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị D chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự có giá ngạch ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị D phải chịu 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm ngàn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị D vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- CCTHADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHUM.

**Bùi Văn Việt**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Việt**